

Số: 932/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng hợp xét tốt nghiệp số: 465/BB-ĐHNH, ngày 10/04/2025 và Tờ trình số 74/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 170 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 3 năm 2025.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTH (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.



PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BẢN PHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 03 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 932/QĐ-ĐHNH, ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	030805170228	Lê Bích Ngọc	25/05/1999	Nữ	HQ5-GE05	6.89	2.76	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
2	030805170111	Đinh Thị Thu Phương	06/10/1999	Nữ	HQ5-GE11	7.98	3.19	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
3	030805170030	Ngô Phúc Công	14/02/1999	Nam	HQ5-GE01	7.81	3.12	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K5
4	030805170388	Trần Bảo Hà My	13/12/1999	Nữ	HQ5-GE02	6.25	2.50	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K5
5	050606180407	Nguyễn Hoàng Anh Thy	28/01/2000	Nữ	HQ6-GE01	8.38	3.35	129	Kế toán	Giỏi	K6
6	050606180186	Vũ Linh Linh	20/09/2000	Nữ	HQ6-GE07	7.14	2.86	129	Kế toán	Khá	K6
7	050606180473	Trần Thị Mỹ Yến	03/09/2000	Nữ	HQ6-GE07	6.96	2.78	129	Kế toán	Khá	K6
8	050606180397	Trần Ngọc Anh Thư	29/01/2000	Nữ	HQ6-GE09	8.47	3.39	129	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K6
9	050606180247	Lê Hoàng Hồng Ngọc	21/11/2000	Nữ	HQ6-GE05	6.68	2.67	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
10	050606180286	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/11/2000	Nữ	HQ6-GE05	7.29	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
11	050606180265	Trương Thanh Nguyên	12/07/2000	Nam	HQ6-GE10	7.48	2.99	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
12	050607190649	Hoàng Nguyễn Thúy Vy	28/03/2001	Nữ	HQ7-GE01	7.83	3.13	130	Kế toán	Khá	K7
13	050607190030	Nguyễn Thị Lan Anh	07/09/2001	Nữ	HQ7-GE08	8.14	3.26	130	Kế toán	Giỏi	K7
14	030535190178	Đặng Hùng Quân	11/10/2001	Nam	HQ7-GE08	7.80	3.12	130	Kế toán	Khá	K7
15	050607190450	Hồ Trần Nhật Tân	15/04/2001	Nam	HQ7-GE08	7.86	3.15	130	Kế toán	Khá	K7
16	050607190683	Đoàn Thụy Yến	12/12/2001	Nữ	HQ7-GE08	7.90	3.16	130	Kế toán	Khá	K7
17	050607190304	Bùi Trương Hoài Ngọc	17/10/2001	Nữ	HQ7-GE09	7.33	2.93	130	Kế toán	Khá	K7
18	050607190470	Châu Bùi Phương Thảo	27/02/2001	Nữ	HQ7-GE09	7.66	3.06	130	Kế toán	Khá	K7
19	050607190635	Phạm Thị Thanh Vân	31/05/2001	Nữ	HQ7-GE09	7.85	3.14	130	Kế toán	Khá	K7
20	050607190202	Man Thành Khoa	02/09/2001	Nam	HQ7-GE02	7.21	2.89	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
21	050607190072	Nguyễn Quốc Vĩnh	Cường	29/07/2001	Nam	HQ7-GE03	7.58	3.03	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
22	050607190471	La Thụy Phương	Thảo	25/04/2001	Nữ	HQ7-GE03	7.77	3.11	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
23	050607190648	Hoàng Nguyễn Thảo	Vy	28/10/2001	Nữ	HQ7-GE03	7.72	3.09	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
24	050607190640	Nguyễn Tường	Viên	15/12/2001	Nữ	HQ7-GE11	7.33	2.93	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
25	050607190382	Trần Thị Kiều	Oanh	18/11/2001	Nữ	HQ7-GE12	7.69	3.08	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
26	050607190444	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	17/01/2001	Nữ	HQ7-GE12	6.97	2.79	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
27	050607190433	Phạm Ngọc Phương	Quỳnh	27/04/2001	Nữ	HQ7-GE13	7.65	3.06	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
28	050607190210	Nguyễn Trung	Kiên	22/09/2001	Nam	HQ7-GE04	7.13	2.85	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
29	050607190583	Phạm Ngọc Phương	Trinh	09/02/2001	Nữ	HQ7-GE05	8.25	3.30	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
30	050607190491	Nguyễn Văn	Thọ	17/05/2001	Nam	HQ7-GE06	7.72	3.09	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
31	030135190091	Bùi Hoàng Thục	Dương	06/04/2001	Nữ	HQ7-GE15	7.07	2.83	131	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
32	050607190546	Hà Bảo	Trang	07/03/2001	Nữ	HQ7-GE15	7.32	2.93	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
33	050607190675	Võ Tường	Vy	14/11/2001	Nữ	HQ7-GE16	8.73	3.49	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
34	050607190651	Lương Nhật	Vy	15/03/2001	Nữ	HQ7-GE16	7.07	2.83	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
35	050607190518	Võ Anh	Thư	20/05/2001	Nữ	HQ7-GE17	7.36	2.94	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
36	050607190169	Giao Gia	Huy	31/01/2001	Nam	HQ7-GE18	7.74	3.10	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
37	030135190220	Trần Thanh	Huyền	26/07/2001	Nữ	HQ7-GE18	7.94	3.17	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
38	050607190206	Nguyễn Ngọc	Khoa	28/12/2001	Nam	HQ7-GE18	7.59	3.04	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
39	050607190508	Nguyễn Anh	Thư	30/04/2001	Nữ	HQ7-GE18	7.60	3.04	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
40	050608200511	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhật	03/07/2002	Nữ	HQ8-GE01	6.77	2.71	123	Kế toán	Khá	K8
41	050608200526	Nguyễn Thị Bích	Nhi	07/12/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.82	3.53	123	Kế toán	Giỏi	K8
42	050608200696	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	03/01/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.03	3.21	123	Kế toán	Giỏi	K8
43	050608200765	Nguyễn Hà Tường	Vi	11/05/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.60	3.44	123	Kế toán	Giỏi	K8
44	050608200210	Trương Bích	Chăm	27/03/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.82	3.13	123	Kế toán	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
45	030536200030	Nguyễn Minh	Đăng	27/05/2002	Nam	HQ8-GE09	7.93	3.17	123	Kế toán	Khá	K8
46	050608200064	Lê Quang	Hung	19/05/2002	Nam	HQ8-GE09	7.81	3.12	123	Kế toán	Khá	K8
47	050608200405	Nguyễn Phạm Ngọc	Lan	10/02/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.50	3.00	123	Kế toán	Khá	K8
48	050608200084	Lê Thị Mỹ	Linh	11/06/2002	Nữ	HQ8-GE09	8.14	3.25	123	Kế toán	Giỏi	K8
49	050608200094	Phan Hạnh Huyền	My	22/10/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.55	3.02	123	Kế toán	Khá	K8
50	050608200490	Nguyễn Khánh	Ngọc	24/12/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.31	2.92	123	Kế toán	Khá	K8
51	050608200502	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	17/10/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.68	3.07	123	Kế toán	Khá	K8
52	050608200546	Nguyễn Thị	Như	01/08/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.72	3.09	123	Kế toán	Khá	K8
53	050608200622	Trần Thủy	Tiên	22/08/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.90	3.16	123	Kế toán	Khá	K8
54	050608200796	Trần Như	Ý	27/07/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.21	3.28	123	Kế toán	Giỏi	K8
55	050608200001	Trần Nguyễn Song	An	14/06/2002	Nam	HQ8-GE02	7.61	3.04	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
56	050608200478	Diệp Mẫn	Nghi	21/04/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.40	2.96	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
57	030336200192	Phạm Quỳnh	Nhi	01/10/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.65	3.06	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
58	050608200032	Trần Thanh Ngọc	Diệp	07/12/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.14	2.85	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
59	050608200576	Trần Nhã	Phương	29/07/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.95	3.18	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
60	050608200705	Đoàn Ngọc Mai	Thy	27/11/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.69	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
61	050608200759	Chu Thị Cẩm	Vân	03/08/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.18	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
62	050608200783	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	20/09/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.92	3.17	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
63	050608200781	Nguyễn Lê Phương	Vy	22/08/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.38	2.95	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
64	050608200803	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/12/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.77	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
65	050608200241	Trần Mậu Tuấn	Anh	01/02/2002	Nam	HQ8-GE11	7.68	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
66	050608200341	Nguyễn Gia	Hân	30/03/2002	Nữ	HQ8-GE11	7.84	3.13	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
67	050608200324	Lương Gia	Hào	14/02/2002	Nam	HQ8-GE11	8.29	3.32	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
68	050608200088	Ngô Thị Huyền	Mai	19/02/2002	Nữ	HQ8-GE11	7.97	3.19	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
69	050608200457	Trần Huỳnh Hoàng	Nam	22/11/2000	Nam	HQ8-GE11	7.78	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
70	050608200480	Trương Hiếu	Nghi	28/02/2002	Nữ	HQ8-GE11	7.36	2.94	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
71	050608200110	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	07/02/2002	Nữ	HQ8-GE11	8.29	3.31	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
72	050608200584	Nguyễn Ngọc	Quốc	08/01/2002	Nam	HQ8-GE11	8.14	3.26	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
73	050608200233	Nguyễn Huy Quang	Anh	29/08/2002	Nam	HQ8-GE12	7.22	2.89	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
74	050608200262	Nguyễn Phương	Châu	06/08/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.07	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
75	050608200452	Nguyễn Thị Hà	My	09/05/2002	Nữ	HQ8-GE12	7.90	3.16	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
76	050608200616	Nguyễn Văn	Tân	06/05/2002	Nam	HQ8-GE12	7.70	3.08	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
77	050608200157	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	27/05/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.38	3.35	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
78	050608200246	Vũ Thị Ngọc	Anh	09/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.05	3.22	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
79	050608200273	Nguyễn Châu	Diệp	16/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	7.83	3.13	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
80	050608200087	Lê Xuân	Mai	13/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.17	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
81	050608200649	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	7.86	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
82	050608200186	Trần Quốc	Tuyên	13/10/2002	Nam	HQ8-GE13	7.49	2.99	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
83	050608200786	Phạm Thiên Kim	Vy	09/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.15	3.26	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
84	050608200030	Nguyễn Mạnh	Đạt	04/02/2002	Nam	HQ8-GE04	7.31	2.92	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
85	050608200213	Phan Thị Vân	Khánh	27/11/2001	Nữ	HQ8-GE04	8.38	3.35	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
86	050608200026	Võ Thanh Chí	Bảo	23/03/2002	Nam	HQ8-GE05	8.45	3.38	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
87	050608200518	Lê Uyên	Nhi	25/03/2002	Nữ	HQ8-GE05	8.16	3.26	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
88	050608200590	Nguyễn Trần Thục	Quyên	09/04/2002	Nữ	HQ8-GE05	7.60	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
89	050608200191	Trần Ngọc Thảo	Uyên	23/03/2002	Nữ	HQ8-GE05	8.00	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
90	050608200799	Lê Hoàng	Yến	11/04/2002	Nữ	HQ8-GE05	7.64	3.06	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
91	050608200593	Dương Trần Xuân	Quỳnh	14/08/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.05	3.22	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
92	050608200645	Trần Đức	Thành	01/06/2002	Nam	HQ8-GE06	7.89	3.16	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
93	050608200670	Võ Duy	Thoại	23/06/2002	Nam	HQ8-GE06	7.68	3.07	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
94	050608200746	Nguyễn Thanh	Trúc	01/09/2002	Nữ	HQ8-GE07	7.53	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
95	050608200777	Lê Nguyễn Xuân	Vy	19/10/2002	Nữ	HQ8-GE07	7.34	2.94	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
96	050608200227	Hà Kiều	Anh	25/11/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.63	3.05	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
97	050608200439	Lê Thị Ngọc	Mai	24/10/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.75	3.10	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
98	030136200804	Dương Hỷ	Ngân	018/9/2002	Nữ	HQ8-GE08	8.00	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
99	050608200680	Đoàn Thị Mai	Thủy	08/11/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.59	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
100	030136200686	Nguyễn Phan Bảo	Trâm	20/11/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.58	3.03	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
101	030136200772	Nguyễn Thị Thảo	Vy	11/09/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.71	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
102	050608200304	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Đặng	26/01/2002	Nam	HQ8-GE14	7.63	3.05	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
103	050608200048	Võ Đăng Hoàng Phi	Hải	05/02/2002	Nam	HQ8-GE14	7.57	3.03	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
104	050608200099	Nguyễn Lê Mỹ	Ngà	22/05/2002	Nữ	HQ8-GE14	7.52	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
105	050608200547	Phan Quỳnh	Như	28/01/2002	Nữ	HQ8-GE14	7.28	2.91	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
106	050608200328	Đinh Thị Thu	Hằng	18/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.36	2.94	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
107	050608200487	Huỳnh Thái	Ngọc	01/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.57	3.03	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
108	050608200136	Lê Diễm	Quỳnh	12/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	8.50	3.40	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
109	050608200137	Nguyễn Diễm Trúc	Quỳnh	11/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.78	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
110	050608200678	Nguyễn Thị Diễm	Thủy	21/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.78	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
111	050608200735	Lê Nguyễn Quỳnh	Trân	23/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	8.18	3.27	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
112	050608200362	Trần Thị Minh	Huệ	01/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.95	3.18	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
113	050608200404	Lê Thị Hương	Lan	04/06/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.58	3.03	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
114	050608200100	Đặng Thị Kim	Ngân	06/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.12	3.25	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
115	050608200126	Bùi Lê Tuyết	Như	12/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.25	2.90	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
116	050608200588	Hà Trần	Quyên	11/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.58	3.03	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
117	050608200602	Phạm Diễm	Quỳnh	01/06/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.95	3.18	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
118	050608200654	Trần Thanh	Thảo	18/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.42	2.97	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
119	050608200662	Lê Phan Thanh	Thi	28/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.60	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
120	050608200672	Trần Thị Anh	Thơ	19/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.38	2.95	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
121	050608200706	Nguyễn Anh	Thy	19/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.50	3.00	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
122	050608200762	Nguyễn Thị Thúy	Vân	22/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.67	3.07	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
123	050608200766	Nguyễn Tường	Vi	18/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.00	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
124	050608200228	Hoàng Quỳnh	Anh	20/08/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.64	3.06	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
125	050608200309	Huỳnh Trúc	Giang	03/10/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.17	2.87	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
126	050608200080	Huỳnh Phương	Lam	26/09/2002	Nữ	HQ8-GE17	8.88	3.55	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
127	050608200403	Trần Ngọc Duy	Lam	24/06/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.17	2.87	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
128	050608200107	Trần Thị Kim	Ngân	15/08/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.85	3.14	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
129	050608200500	Nguyễn Trần Nhật	Nguyên	15/08/2002	Nam	HQ8-GE17	7.66	3.06	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
130	050608200686	Trần Nguyễn Lam	Thuyền	02/07/2002	Nữ	HQ8-GE18	7.70	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
131	050608200198	Huỳnh Lê Yên	Vy	03/09/2002	Nữ	HQ8-GE18	8.00	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
132	050608200797	Vòng Chen	Yao	23/06/2002	Nữ	HQ8-GE18	8.10	3.24	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
133	050608200301	Nguyễn Minh Xuân	Đạt	08/10/2002	Nam	HQ8-GE19	8.02	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
134	050608200507	Nguyễn Cao Thiện	Nhân	16/10/2002	Nam	HQ8-GE19	7.89	3.15	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
135	050608200167	Ngô Thị Mỹ	Trâm	08/11/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.31	3.33	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
136	050608200130	Nguyễn Thị Quỳnh	Ni	29/11/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.99	3.19	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
137	050608200611	Nguyễn Minh Phúc	Tâm	10/12/2002	Nữ	HQ8-GE20	8.41	3.36	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
138	050609210148	Hồ Lê Minh	Châu	02/12/2003	Nữ	HQ9-GE11	7.80	3.1	123	Kế toán	Khá	K9
139	050609211800	Hồ Thị Bảo	Yến	07/12/2002	Nữ	HQ9-GE11	8.80	3.5	123	Kế toán	Giỏi	K9
140	050609211350	Châu Ngọc Hạnh	Thảo	17/11/2003	Nữ	HQ9-GE03	8.60	3.4	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
141	050609211906	Lê Khánh	Hà	10/08/2003	Nữ	HQ9-GE14	8.10	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9
142	050609210840	Huỳnh Thị Khánh	Ngân	23/09/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.30	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9
143	050609210994	Hoàng Vũ Yến	Nhi	02/11/2003	Nữ	HQ9-GE05	8.40	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
144	050609212110	Đặng Thanh Tâm	Như	03/12/2003	Nữ	HQ9-GE05	8.80	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
145	050609211095	Nguyễn Ngọc Hà	Oanh	02/03/2002	Nữ	HQ9-GE05	8.50	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
146	050609212140	Lê Phương Thiên	Phương	03/04/2003	Nữ	HQ9-GE05	8.80	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
147	050609212161	Hoàng Nguyễn Minh	Quyền	04/08/2003	Nam	HQ9-GE05	8.00	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
148	050609211720	Huỳnh Khánh	Vy	02/02/2003	Nữ	HQ9-GE05	9.00	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9
149	050609210863	Võ Mỹ Mẫn	Nghi	27/05/2002	Nữ	HQ9-GE06	8.80	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
150	050609212022	Đinh Ngọc	Long	08/07/2003	Nam	HQ9-GE07	8.20	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
151	050609210776	Phạm Trần Hải	My	10/02/2003	Nữ	HQ9-GE07	7.90	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
152	050609210889	Trác Thái	Ngọc	11/02/2003	Nữ	HQ9-GE07	9.10	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9
153	050609210981	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	09/05/2002	Nữ	HQ9-GE07	8.60	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
154	050609212214	Phan Hữu	Thịnh	11/07/2003	Nam	HQ9-GE07	8.40	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
155	050609210478	Lê Phạm Đức	Huy	30/11/2003	Nam	HQ9-GE08	8.50	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
156	050609210252	Vũ Bạch	Dương	30/10/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.30	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
157	050609210614	Đặng Thị Phương	Lan	23/10/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.50	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
158	050609210722	Nguyễn Lê Thanh	Mai	24/01/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.50	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
159	050609210026	Trần Phạm Bình	An	03/12/2003	Nam	HQ9-GE19	8.00	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
160	050609210075	Đặng Châu	Anh	14/07/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.50	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
161	050609210077	Lương Nguyễn Vân	Anh	18/03/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.60	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
162	050609211851	Hoàng Minh	Châu	11/04/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.40	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
163	050609210437	Lê Trần Như	Hoàng	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE21	7.50	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
164	050609211948	Nguyễn Nhật	Hoàng	24/04/2003	Nam	HQ9-GE21	8.10	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
165	050609210622	Huỳnh Cẩm	Lê	05/08/2003	Nữ	HQ9-GE22	7.90	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
166	050609211076	Lê Thị	Nhung	31/05/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.40	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
167	050609211176	Lê Huệ	Quân	08/03/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.30	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9
168	050609211523	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	31/12/2003	Nữ	HQ9-GE27	9.00	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9
169	050609211518	Phan Gia Bảo	Trâm	30/01/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.60	3	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9
170	050609212298	Trần Thị Thanh	Trúc	04/11/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.50	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9

Tổng: 170 sinh viên

(Chữ ký)

VIỆT NAM